

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 12 - 2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Bà Hà Thị Hoà

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Không.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn **K**; sinh năm: 1986; HKTT: Thôn **ĐT**, xã **TN**, huyện **NX**, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Thôn **ĐT**, xã **TN**, huyện **NX**, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Chị Lê Thị **T**; sinh năm: 1987; HKTT: Thôn **ĐT**, xã **TN**, huyện **NX**, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Khu phố **HS**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt anh **K**, chị **T**. Anh **K**, chị **T** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Hà Văn **K** trình bày: Anh và chị Lê Thị **T** kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 12/3/2008 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Ngọc Khê (nay là thị trấn **NL**), huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, vợ chồng không có con chung nên khó hàn gắn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho

đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị **T**.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung. Anh **K** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Anh **K** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lê Thị **T** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, vợ chồng không có con chung nên khó hàn gắn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh **K**.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung. Chị **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Chị **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Lê Thị **T** không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị **T** theo quy định tại khoản 3 điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Chị **T** đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị **T** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Hà Văn **K** và chị Lê Thị **T** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh **K**, chị **T**.

[2] Về hôn nhân: Anh Hà Văn **K** và chị Lê Thị **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2008 tại UBND xã Ngọc Khê (nay là thị trấn **NL**), huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Anh **K** và chị **T** đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ anh **K**, chị **T** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh **K** được ly hôn chị **T**.

[3] Về con cái: Anh **K** và chị **T** không có con chung. Anh **K**, chị **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Anh **K**, chị **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh **K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn **K** được ly hôn chị Lê Thị **T**.

2. Về án phí: Anh Hà Văn **K** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011798 ngày 17/11/2021. Anh **K** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh **K**, chị **T** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT **NL**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Bùi Trung Thành

Hà Thị Hoà

Nguyễn Thanh Tân

